

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHÀ BÈ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 313/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 09/12/2021

V/v Tranh chấp Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Tao

2. Bà Trần Thị Bích Liên.

Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hoàng Trung, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Linh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 534/2020/TLST-HNGĐ ngày 30/11/2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 634/2021/QĐXXST-DS ngày 01/11/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 734/2021/QĐST-DS ngày 19/11/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1987

Địa chỉ: Số 527/85A, tổ 2, ấp A, xã PK, huyện NB, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hoàng T, sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: Số 527/85A, tổ 2, ấp B, xã PK, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Hiền T là Luật sư của Văn phòng Luật sư CL thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị G là nguyên đơn trình bày:

Bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Hoàng T tự nguyện hết hôn năm 2013. Hai bên có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 82 ngày 29/5/2013 cấp tại Ủy ban nhân dân xã LT, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Theo bà G, thời gian đầu chung sống cả hai cũng hạnh phúc tuy nhiên kể từ năm 2018 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ngoài ra ông T còn sử dụng ma túy, hay đe dọa đánh đập bà, vợ

chồng thường xuyên cãi nhau. Bà đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhiều lần nhưng vẫn không có kết quả nên cả hai đã sống ly thân từ năm 2018 đến nay. Hiện nay hai bên đều đã có cuộc sống riêng ổn định và không còn quan tâm đến nhau nữa nên bà G yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 02 con chung là trẻ Nguyễn Hoàng Hiếu, sinh ngày 14/11/2009 và trẻ Nguyễn Thị Kim Như, sinh ngày 31/7/2019. Tại đơn khởi kiện bà G có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con. Tuy nhiên hiện nay trẻ Hiếu đã về sống chung với ông T nên bà đề nghị được nuôi trẻ Như, ông T nuôi trẻ Hiếu, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà G khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà G xác định không có.

Tại bản trình bày ý kiến, trẻ Hiếu cũng đồng ý ở với ông T nếu cha mẹ ly hôn.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông Nguyễn Hoàng T đến Tòa án để trình bày ý kiến và cung cấp chứng cứ. Tuy nhiên ông T hoàn toàn vắng mặt không lý do.

* Phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng:

Về hình thức: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng về phiên tòa sơ thẩm. Việc xét xử vắng mặt các đương sự đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 82 do Ủy ban nhân dân xã LT, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh cấp ngày 29/5/2013 thì bà Nguyễn Thị G và ông Nguyễn Hoàng T có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Bà Nguyễn Thị G xin ly hôn ông Nguyễn Hoàng T. Ông T hiện đang cư trú tại huyện Nhà Bè, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Hoàng T mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng để tiếp cận công khai thu thập chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà G cũng có đơn xin xét xử vắng mặt.

[2] Về các yêu cầu của đương sự:

[2.1] Theo lời trình bày của nguyên đơn thì kể từ năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông T sử dụng ma túy, hay đe dọa đánh đập bà G, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Bà G và ông T đã cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng vẫn không có kết quả, từ đó vợ chồng sống ly thân. Hiện nay hai bên đều đã tự có cuộc sống riêng không còn sự quan tâm đến nhau nữa.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình*”.

Căn cứ theo kết quả xác minh của Hội liên hiệp phụ nữ xã Phước Kiển, huyện Nhà Bè thì “*Gia đình có mâu thuẫn thì không có đưa ra cơ quan công an, UBND, Hội LHPN xã Phước Kiển để giải quyết.*”

Tuy nhiên xét thấy thực tế việc cả hai đã không sống chung với nhau từ năm 2018 đến nay chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã không thể cải thiện được, vợ chồng đã không còn sự yêu thương, chăm sóc, giúp đỡ nhau nên việc duy trì tình trạng hôn nhân là không thể thực hiện được. Mặt khác quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án ông T cũng không lên Tòa để trình bày ý kiến và thể hiện mong muốn đoàn tụ gia đình. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà G và ông T đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà G được ly hôn với ông T là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà G yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Như, ông T nuôi trẻ Hiếu, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Điều này phù hợp với hiện trạng thực tế hiện nay trẻ Hiếu đang được ông T nuôi dưỡng; bản thân ông T không có bất kỳ sự phản đối nào về việc bà G đã và đang nuôi dưỡng trẻ Như. Như vậy, để đảm bảo sự ổn định và phát triển mọi mặt của các con, cần thiết tiếp tục duy trì việc nuôi con hiện nay của bà G, ông T. Ghi nhận việc bà G không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà G xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này ông T có yêu cầu sẽ được xem xét trong vụ kiện khác.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà G phải nộp, được cân trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0073166 ngày 30/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà G đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật trẻ em;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị G được ly hôn với ông Nguyễn Hoàng T.

- Về con chung: Giao bà Nguyễn Thị G trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Thị Kim Như, sinh ngày 31/7/2019, ông Nguyễn Hoàng T trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Hoàng Hiếu, sinh ngày 14/11/2009. Ghi nhận việc bà G không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị G có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi ông Nguyễn Hoàng T đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị G xác định không có. Nếu sau này ông Nguyễn Hoàng T có yêu cầu sẽ được xem xét trong vụ kiện khác.

2/ Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà G phải nộp, được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0073166 ngày 30/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà G đã nộp đủ án phí.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4/ Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- UBND xã LT, Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thu Hiền